

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: *40* /2016/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 28 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ban Dân tộc; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Kon Tum thuộc tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản vi phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2014/TTLT-UBND-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc và Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ban Dân tộc và Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Kon Tum thuộc tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày *01/10/2016*.

Điều 3. Giám đốc Sở Nội vụ; Trưởng Ban Dân tộc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Sở Nội vụ;
- Ban Dân tộc;
- Báo Kon Tum; Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh Kon Tum; Cổng TTĐT tỉnh;
- Chi cục Văn thư-Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT-TH3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hòa

QUY ĐỊNH

Điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ban Dân tộc và Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Kon Tum thuộc tỉnh Kon Tum

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 40 /2016/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ban Dân tộc và Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Kon Tum (Ủy ban nhân dân cấp huyện) thuộc tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều kiện, tiêu chuẩn tại quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, thi tuyển các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ban Dân tộc và Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Điều kiện, tiêu chuẩn tại Quy định này là căn cứ để xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, thi tuyển các chức danh nêu tại Điều 2 Quy định này.

2. Trường hợp quy định của pháp luật có liên quan quy định điều kiện, tiêu chuẩn khác, thì thực hiện theo quy định của văn bản pháp luật có liên quan và điều kiện, tiêu chuẩn tại Quy định này.

3. Khi xem xét bổ nhiệm lần đầu, từ 02 người trở lên có điều kiện, tiêu chuẩn như nhau thì bổ nhiệm người là nữ giới, người đồng bào dân tộc thiểu số trong số những người có cùng điều kiện, tiêu chuẩn.

Điều 4. Điều kiện bổ nhiệm

1. Đạt các tiêu chuẩn quy định tại Chương II và Chương III Quy định này.

2. Có đầy đủ hồ sơ, lý lịch cá nhân được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác minh rõ ràng, trong đó có kê khai tài sản, nhà, đất theo quy định.

3. Đảm bảo độ tuổi theo quy định.

4. Có đủ sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ và chức trách được giao.
5. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật.
6. Không trong thời gian bị thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.
7. Đã được cấp có thẩm quyền quy hoạch vào chức danh dự kiến bổ nhiệm
8. Có 3 năm liên tục liền kề được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên.

Điều 5. Điều kiện bổ nhiệm lại

1. Hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ.
2. Đạt các tiêu chuẩn quy định tại Chương II, Chương III quy định này.
3. Có đủ sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ và chức trách được giao.
4. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật.

Chương II

TIÊU CHUẨN CHUNG

Điều 6. Tiêu chuẩn chung

1. Phẩm chất

a) Trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phấn đấu thực hiện có kết quả các đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Gương mẫu về đạo đức, lối sống; cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; không tham nhũng, lãng phí và có tinh thần đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Có ý thức tổ chức kỷ luật; trung thực, không cơ hội; gắn bó mật thiết với nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, được nhân dân tín nhiệm;

c) Có bản lĩnh vững vàng, quyết đoán, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; có phong cách làm việc dân chủ, công bằng; tôn trọng đồng nghiệp; công tâm và khách quan trong công tác; có tinh thần học hỏi, nghiên cứu, sáng tạo, năng động, tận tụy trong mọi công việc.

d) Giữ gìn đoàn kết nội bộ; biết tập hợp và phát huy sức mạnh trí tuệ của tập thể; biết lắng nghe ý kiến đề xuất, tâm tư nguyện vọng của cấp dưới; thẳng thắn trong đấu tranh chống tư tưởng bảo thủ, trì trệ, cục bộ. Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở cơ quan, quy chế văn hóa công sở, không vi phạm pháp luật và các quy định của nhà nước.

đ) Bản thân và gia đình chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương và nơi cư trú.

2. Hiểu biết

- a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành được giao, phụ trách;
- b) Nắm vững các văn bản pháp luật về lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành được giao và các văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành;
- c) Hiểu biết sâu về nghiệp vụ quản lý thuộc lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành được giao;
- d) Am hiểu tình hình chính trị, kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước.

Chương III

TIÊU CHUẨN CỤ THỂ

Điều 7. Tiêu chuẩn cụ thể đối với Trưởng phòng và tương đương thuộc Ban Dân tộc; Trưởng phòng Phòng Dân tộc huyện, thành phố

1. Tiêu chuẩn nghiệp vụ

- a) Có năng lực tham mưu, tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động của đơn vị để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc.
- b) Có khả năng nghiên cứu, tham mưu, đề xuất, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về các chương trình, kế hoạch, dự án, đề án, các giải pháp kinh tế xã hội để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực được giao.
- c) Có khả năng điều hành, tổng hợp, có kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành theo lĩnh vực được phân công đảm nhiệm. Hướng dẫn công chức trong đơn vị thực hiện và phối hợp với các cấp, các cơ quan có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- d) Có thời gian giữ chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ 02 năm trở lên.

2. Tiêu chuẩn trình độ

- a) Chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học trở lên với chuyên ngành được đào tạo phù hợp với lĩnh vực công tác
- b) Lý luận chính trị: Tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị hoặc tương đương trở lên.
- c) Quản lý nhà nước: Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên.
- d) Ngoại ngữ: Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc.

đ) Tin học: Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 8. Tiêu chuẩn cụ thể đối với Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ban Dân tộc; Phó Trưởng phòng Phòng Dân tộc huyện, thành phố

1. Tiêu chuẩn nghiệp vụ

a) Nắm vững các kiến thức cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực được giao.

b) Có năng lực xây dựng Phương án, Đề án, kế hoạch nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công và khả năng tham mưu, tổng hợp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

c) Có năng lực quản lý điều hành, có khả năng quy tụ, đoàn kết, tập hợp công chức thực hiện công việc hiệu quả.

d) Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm tham mưu trong lĩnh vực công tác được bổ nhiệm.

2. Tiêu chuẩn trình độ

a) Chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học trở lên với chuyên ngành được đào tạo phù hợp với lĩnh vực công tác.

b) Lý luận chính trị: Đủ điều kiện, tiêu chuẩn học lớp trung cấp Lý luận chính trị trở lên.

c) Quản lý nhà nước: Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên.

d) Ngoại ngữ: Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc.

đ) Tin học: Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng Ban Dân tộc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hòa